

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

QUYỂN 18

Chương 1: **KIÊN-ĐỘ TẠP**

Phẩm 4: **ÁI KÍNH**, Phần 3

Đức Thế tôn nói Vô học thành tựu thân giới, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Trong kinh của Đức Phật nói: Vô học thành tựu thân giới, dù nói như thế nhưng không phân biệt. Kinh Phật là căn bản của luận này. Nay vì muốn giải thích rộng kinh Phật, nên soạn luận này.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này là vì trước kia đã nói về cảnh giới Niết-bàn của thân hữu dư, cảnh giới Niết-bàn của thân vô dư. Niết-bàn nên gọi là Học, Vô học, phi học phi Vô học. Như vậy đều nói là quả A-la-hán vô vi. Nay nói quả A-la-hán hữu vi, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là thân giới Vô học?

Đáp: Giới thân, giới khẩu và mạng tịnh của Vô học như thuyết trong chi Vô học ở chỗ khác có nói. Chánh nghiệp tức là thân giới Vô học trong đây. Chánh ngữ tức là giới khẩu. Chánh mạng là mạng tịnh.

Hỏi: Như ngoài giới của thân, miệng, lại không có mạng tịnh, vì sao đặt ra ba tên gọi này?

Đáp: Vì tịnh, bất tịnh đối nhau, nên đặt ba tên, là bảy nghiệp bất thiện, từ tham, sân, si sinh.

Từ tham sinh: đó gọi là tà mạng. Từ sân, si sinh: Thân nghiệp là tà nghiệp, khẩu nghiệp là tà ngữ. Từ tham sinh: không còn tạo tác nữa, là chánh mạng. Từ sân, si sinh: không còn tạo tác nữa. Thân nghiệp là chánh nghiệp, khẩu nghiệp là chánh ngữ.

Lại có thuyết nói: Hoặc mạng hữu vi, hoặc vì vui chơi, hoặc vì tâm oán ghét, nên khởi bảy nghiệp bất thiện. Nếu mạng, thì đó gọi là tà mạng. Nếu không vì mạng, khởi thân nghiệp là tà nghiệp, khởi khẩu

nghiệp là tà ngữ.

Lại có thuyết nói: Hoặc mạng hữu vi, nên đã tạo các thứ phương thuốc, chú thuật. Hoặc vì việc khác của hữu vi, như trước đã nói.

Lại có thuyết nói: Hoặc bốn thứ ái, nên đã gây ra các hành vi ác, hoặc làm việc khác: nếu vì bốn thứ ái, tạo các hành vi ác, thì đó gọi là tà mạng, ngoài ra như trước nói.

Lại có thuyết nói: Nếu làm năm việc dua nịnh, lừa dối v.v..., thì đó gọi là tà mạng. Nếu vì việc khác, thì việc khác ấy như trước đã nói.

Lại có thuyết nói: Hoặc có tội già, hoặc có tội tánh, nếu gây ra tội già, thì đó gọi là tà mạng, nếu gây ra tội tánh, như trước đã nói. Vì sao? Vì tội già khó trừ.

Lại có thuyết nói: Có nghiệp bất thiện căn bản, có nghiệp bất thiện phương tiện. Nếu hành nghiệp bất thiện phương tiện đó gọi là tà mạng. Nếu gây ra nghiệp bất thiện căn bản đều như trước nói. Vì sao? Vì nghiệp phương tiện khó trừ, nên trái với ở trên nói, đó gọi là chánh mạng.

Vô học thành tựu thân giới, cho đến nói rộng.

Hỏi Như học, phi học phi Vô học cũng thành tựu thân giới. Vì sao chỉ nói Vô học?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là Như lai giáo hóa hữu dư, lược nói phần vượt hơn.

Lại có thuyết nói: Nói nghĩa vượt hơn. Vì sao? Vì nếu nói theo pháp, thì pháp Vô học là hơn. Nếu nói theo người thì người Vô học vượt hơn, nói rộng như trên pháp Vô học vượt hơn pháp Học.

Lại có thuyết nói: Đức Thế tôn hoặc khen ngợi nói đệ tử vượt hơn, hoặc khen đệ tử trung bình, hoặc khen đệ tử bậc hạ. Khen ngợi đệ tử vượt hơn như kệ nói:

*A-la-hán vui nhất
Vì không có khát ái
Cũng dứt trừ ngã mạn
Xé rách lưới vô minh.*

Khen đệ tử bậc trung, như khen ngợi bảy người thiện mà trong kinh đã nói. Khen bậc hạ như trong kinh Trì dụ nói: Ở đây, chỉ nói khen ngợi hàng đệ tử vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là nghĩa Thi-la?

Đáp: Nghĩa mát mẻ là nghĩa của Thi-la. Vì sao? Vì phá giới làm cho thân tâm nóng bức, trì giới có công năng khiến thân tâm mát mẻ.

Lại có thuyết nói: Nghĩa học tập là nghĩa của Thi-la. Vì sao? Vì

thường tu tập phước thiện.

Hỏi: Thế nào là thân định Vô học?

Đáp: Là tam-muội Vô học không, tam-muội vô tướng, tam-muội vô nguyện.

Hỏi: Thế của định là một, sao nói là ba?

Đáp: Vì ba sự nên nói ba:

1. Do đối trị.
2. Do tâm có kỳ hạn.
3. Do cảnh giới.

Do đối trị nên nói không. Không là pháp đối trị gần đối với ngã kiến.

Hỏi: Thân kiến có hai thứ:

1. Hành nơi ngã.
2. Hành nơi ngã sở.

Không có hai thứ:

1. Hành nơi không.
2. Hành vô ngã.

Hành này làm đối trị gần cho hành nào?

Đáp: Hành vô ngã đối trị ngã kiến, hành Không là đối trị ngã sở kiến.

Lại nữa, hành vô ngã đối trị năm ngã kiến, hành Không đối trị mười lăm ngã sở kiến.

Lại nữa, hành vô ngã đối trị nơi kiến chấp của mình, hành Không đối trị sở kiến của mình. Lại nữa, hành vô ngã đối trị thân ái của ngã. Hành Không đối trị thân ái của ngã sở.

Lại nữa, ám chẳng phải ngã là hành vô ngã. Trong ám không có ngã là hành không.

Lại nữa, nhãn nhập chẳng phải ngã, là hành vô ngã. Trong nhãn nhập không có ngã là hành không. Cho đến ý nhập nói cũng giống như thế.

Lại nữa, tánh không là hành vô ngã, không có sở hành là hành không. Vì tâm mong mỏi, nên gọi là vô nguyện. Vô nguyện nghĩa là không mong muốn ở hữu.

Hỏi: Nếu do tâm mong muốn, không nguyện ở hữu, gọi là vô nguyện. Cũng là tâm mong muốn, không nguyện nơi Thánh đạo cũng gọi là vô nguyện chăng?

Đáp: Tâm mong muốn không nguyện ở ám, mà Thánh đạo dựa vào ám. Tâm mong muốn không nguyện đối với thế gian mà Thánh

đạo thì ở thế gian. Tâm mong muốn không nguyện đối với khổ mà Thánh đạo dựa vào khổ. Tâm mong muốn không nguyện tăng trưởng mà Thánh đạo dựa vào sự tăng trưởng.

Hỏi: Nếu vậy vì sao bậc Thánh tu đạo?

Đáp: Vì muốn đến Niết-bàn. Vì sao? Vì bậc Thánh quán sát, trừ Thánh đạo thì không còn có pháp nào có thể đến Niết-bàn, do vậy nên tu đạo. Vì cảnh giới, nên nói vô tướng. Vô tướng, là không có mười tướng, vì không có mười tướng, nên nói là vô tướng. Mười tướng là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, nam, nữ, ba cõi. Niết-bàn không có tướng như thế, nên định kia duyên Niết-bàn.

Lại nữa, ấm là tướng của hữu, nên định kia duyên ấm.

Lại nữa, pháp trước sau là tướng của hữu, nên định kia duyên không có trước, sau.

Lại nữa, nếu pháp có thượng, trung, hạ, thì đó gọi là tướng của hữu, nên định kia duyên không có thượng, trung, hạ.

Lại có thuyết nói: do hành, nên nói có ba. Định không kia hành ở hai hành, đó là hành không và hành vô ngã. Định vô nguyện hành ở mười hành, nghĩa là hành khổ, vô thường, tập đế của đạo đế của định vô tướng, hành ở bốn hành, nghĩa là bốn hành của diệt đế.

Lại có thuyết nói: Vì đối trị nên nói là ba. Hành không là đối trị gần của ngã kiến. Vô nguyện là đối trị gần của giới thủ. Vô tướng là đối trị gần của si.

Hỏi: Thế nào là thân tuệ Vô học?

Đáp: Hoặc trí, hoặc kiến, hoặc minh, hoặc giác, hoặc hiện quán, cho đến nói rộng.

Bình luận: Thuyết này có thể như vậy, nhưng ở đây, nói thân chánh tuệ, không nói thân tuệ phân biệt. Văn ấy nên nói rằng: Thế nào là thân tuệ Vô học? Đáp: Tận trí, trí vô sinh không gồm nhiếp tuệ Vô học.

Hỏi: Thế nào là thân giải thoát Vô học?

Đáp: Chánh quán Vô học tương ứng với giải thoát. Thời giải thoát này là đại địa, là tận trí, trí vô sinh là chánh kiến Vô học tương ứng với giải thoát.

Hỏi: Thế nào là thân giải thoát tri kiến Vô học?

Đáp: Là tận trí, trí vô sinh.

Hỏi: Vì sao nói tận trí, trí vô sinh là thân giải thoát tri kiến Vô học,

Đáp: Là do sinh ra trong thân của người giải thoát.

Hỏi: Thân tuệ Vô học, thân giải thoát tri kiến Vô học có gì khác nhau?

Đáp: Khổ trí, tập trí Vô học, là thân tuệ Vô học. Vì sao? Vì hai trí này duyên theo pháp ràng buộc diệt trí, diệt trí, đạo trí Vô học là thân giải thoát tri kiến Vô học. Vì sao? Vì hai trí này duyên theo pháp không có ràng buộc.

Lại nữa, khổ trí, tập trí, diệt trí Vô học là thân tuệ Vô học. Vì sao? Vì ba trí này duyên theo giải thoát, không duyên theo duyên giải thoát. Trí vô lậu, đạo trí Vô học là thân tri kiến giải thoát Vô học. Vì sao? Vì đạo trí này duyên với giải thoát, cũng duyên theo duyên trí vô lậu giải thoát. Giải thoát có hai thứ: giải thoát hữu vi, giải thoát vô vi. Hữu vi là sở duyên của khổ trí, tập trí. Vô vi là sở duyên của diệt trí. Kiến của trí giải thoát vô lậu là sở duyên của đạo trí. Cho nên, đạo trí là thân giải thoát tri kiến Vô học, vì dùng đạo trí để duyên theo ba trí.

Lại có thuyết nói: Tuệ hoặc đối trị tà tuệ, hoặc đối trị với vô tri. Nếu đối trị tà tuệ, là thân tuệ Vô học. Nếu đối trị với vô tri, là thân giải thoát tri kiến Vô học. Như tà tuệ, vô tri, nhay bén, chậm lụt, ngu, trí cũng giống như thế.

Thân giới ở sáu địa, đó là Vị chí, Trung gian và bốn thiền căn bản. Thân khác ở chín địa.

Hỏi: Phật, Bích-chi Phật, Thanh văn, năm thứ thân này có khác nhau không?

Đáp: Nếu theo địa, theo thể thì không có khác nhau. Nếu theo căn thì có khác nhau. Người căn cơ nhay bén, là nói về hơn. Người căn cơ bậc trung, là nói trung bình, người căn cơ bậc hạ, là nói thấp. Như Phật bảo các Tỳ-kheo: Một rớt ráo, chẳng phải nhiều rớt ráo, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật, kinh Phật nói: Một rớt ráo, chẳng phải nhiều rớt ráo. Dù kinh Phật nói một rớt ráo, nhưng không phân biệt là vì phát tâm nên nói rớt ráo hay do việc thành tựu, nên nói rớt ráo. Kinh Phật là chỗ căn bản cho luận này. Là điều kinh của chư Phật không nói, nay vì muốn nói nên soạn luận này.

Hỏi: Cửu cánh có hai, vì sao Đức Thế tôn chỉ nói một?

Tôn giả Ba-xa đáp: Một rớt ráo, nghĩa là rớt ráo của phát tâm, không có hai rớt ráo của phát tâm. Một việc thành tựu rớt ráo, không có hai việc thành tựu rớt ráo. Đức Thế tôn cũng nói một đế, không có hai đế, nghĩa là một khổ đế, không có khổ đế thứ hai, cho đến một đạo đế,

không có đạo để thứ hai.

Lại có thuyết nói: Chỉ một rốt ráo, không có hai rốt ráo, nghĩa là sự thành tựu rốt ráo. Phát tâm rốt ráo: đều vì việc thành tựu, nên phát tâm.

Lại có thuyết nói: Các ngoại đạo v.v... đều tự đối với pháp mà họ đã thực hành rồi nghĩ là rốt ráo. Phật nói rằng: Chỉ trong pháp khéo nói, có pháp rốt ráo, trong pháp không khéo nói, không có pháp rốt ráo.

Lại có thuyết nói: Ở đây không nói rốt ráo đệ nhất, chỉ muốn nói về lỗi của các ngoại đạo. Người dứt kiến như các ngoại đạo v.v..., chẳng phải đối với thường kiến, kẻ thường kiến chẳng phải đối với dứt kiến. Phật nói rằng: Nếu kẻ thường kiến là rốt ráo, thì dứt kiến là chẳng phải. Nếu kẻ dứt kiến là rốt ráo, thì thường kiến là chẳng phải? Nhưng thường, dứt đều chẳng phải pháp rốt ráo.

Cho nên, vì muốn nói lỗi của ngoại đạo, nên nói là một rốt ráo, chẳng phải mọi rốt ráo.

Như nói một rốt ráo, chẳng phải nhiều rốt ráo, cho đến nói rộng. Cứu cánh gọi là pháp gì?

Đáp: Đức Thế tôn hoặc nói đạo rốt ráo, hoặc nói Niết-bàn rốt ráo. Nói đạo rốt ráo là thế nào? Như kệ nói:

Nếu không biết đạo.

Là mạn thông minh

Chưa đến rốt ráo

Không điều mà chết.

Không biết đạo: nghĩa là không thấy tám đạo. Là mạn của thông minh, nghĩa là ngoại đạo, ngu tiểu tự cho là thông minh, mà sinh kiêu căng, ngạo mạn. Chưa đến rốt ráo tức dù là phát ý nhưng không đến rốt ráo.

Không điều mà chết: Như có phiền não mà sinh, có phiền não mà chết.

Như Kệ nói đạo rốt ráo, thế nào là Niết-bàn rốt ráo. Như kệ nói:

Đến rốt ráo không sợ

Không nói không ăn năn

Nhỏ hết mũi tên hữu

Thân này là bên sau.

Đến rốt ráo: Rốt ráo có hai thứ:

1. Phát tâm rốt ráo.

2. Thành sự rốt ráo.

Là đến rốt ráo của sự thành tựu bậc nhất. Không sợ: Là khéo tu

tam-muội Không, vì hiểu sâu pháp duyên khởi, nên không sợ đường ác và khổ sinh tử. Không nói: nghĩa là không như lời nói vô nghĩa của các ngoại đạo nói về tà trí, tà kiến không hồi hận: Tức là khéo dứt trừ giới thủ, sinh trí rất ráo. Giới thủ, sinh trí rất ráo có thể nhổ hết các mũi tên hữu, nghĩa là do khéo tu Thánh đạo, có thể làm cho hữu ái đã dứt hết hẳn, vắng lặng, trụ trong pháp không lưu chuyển.

Thân này là biên sau: Vì đã dứt hết nhân của ái, hữu kia, nên không còn sinh. Vì không còn sinh, nên thân này là bên sau:

Đây là rốt ráo nhất

Đạo vắng lặng vô thượng

Dứt hết tất cả tướng

Xuất ly đến không chết.

Đây là rốt ráo nhất: nói việc rốt ráo thành. Vắng lặng: là lìa ba thứ lửa. Đạo là nơi trí đã an lập. Vô thượng: là không có chỗ nương. Có thể dứt hết tất cả tướng: hiển hiện dứt trừ tất cả nghiệp, dứt tất cả tướng phiền não. Xuất ly: Vì trừ diệt các phiền não, được thanh tịnh. Đến không chết: Vì rốt ráo đến pháp bất diệt.

Như Bà-la-môn Số Mục-kiền-liên đến chỗ Phật, bạch Phật: Đệ tử đã được Sa-môn Cù-đàm hóa độ, tất cả đều đạt đến rốt ráo.

Đức Thế tôn bảo: Bà-la-môn! Việc này không nhất định: Hoặc có người đến, có người không đến. Trong đây nói Niết-bàn là sự thành rốt ráo, có phát tâm, có rốt ráo phát tâm, có sự thành, có rốt ráo sự thành.

Thế nào là rốt ráo phát tâm? Cho đến rốt ráo sự thành?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đạo thế tục đó gọi là phát tâm, chẳng phải rốt ráo. Thánh đạo gọi là phát tâm, cũng gọi là rốt ráo. Chỗ dứt của đạo thế tục gọi là sự thành, không gọi là rốt ráo. Chỗ dứt của đạo vô lậu gọi là sự thành, cũng gọi là rốt ráo.

Lại có thuyết nói: Đạo quả trung gian gọi là phát tâm, không gọi là rốt ráo. Đạo quả Sa-môn căn bản gọi là phát tâm, cũng gọi là rốt ráo. Chỗ dứt của đạo quả trung gian gọi là sự thành, không gọi là rốt ráo. Chỗ dứt của đạo quả căn bản gọi là sự thành, cũng gọi là rốt ráo.

Lại có thuyết nói: Đạo học gọi là phát tâm, không gọi là rốt ráo. Đạo Vô học gọi là phát tâm, cũng gọi là rốt ráo. Chỗ dứt của đạo Hữu học gọi là sự thành, không gọi là rốt ráo. Chỗ dứt của đạo Vô học gọi là sự thành, cũng gọi là rốt ráo.

Như Đức Thế tôn nói: Có các ngoại đạo Phạm chí, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao tạo ra phần này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Trong kinh của Phật nói: Có các ngoại đạo Phạm chí biện luận như vậy: Ta đã dứt các chấp, cho đến nói rộng. Kinh Phật dù nói như vậy, nhưng không phân biệt. Kinh Phật là chỗ căn bản của luận này. Điều mà trong kinh của chư Phật không nói, nay A-tỳ-đàm đều muốn nói nên soạn luận này.

Ở đây hỏi về ba việc

1. Hỏi: Các ngoại đạo thật ra không dứt các chấp. Vì sao Phật nói các ngoại đạo nói là họ đã dứt các chấp?

2. Hỏi: Như các ngoại đạo không lập ra việc dứt các chấp, vì sao nói là các ngoại đạo lập ra dứt dục thủ, giới thủ, kiến thủ?

3. Hỏi: Như các ngoại đạo lập ra dứt dục thủ, giới thủ, kiến thủ, không lập ra dứt ngã thủ?

Trong ba thứ hỏi này, Tôn giả Ca-chiên-diên-tử trước đáp câu hỏi giữa: Hỏi: Như các ngoại đạo không dứt các chấp, vì sao nói là họ dứt dục thủ, giới thủ, kiến thủ, cho đến nói rộng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là lời nói pháp nhỏ nhỏ của Thế tôn. Lời nói này phải nên hiểu trái lại, không nên thuận theo. Vì sao? Vì Đức Thế tôn nói pháp, không do không có nhân duyên, cũng không do ít nhân duyên. Chư Phật giảng nói đều có nhân duyên, chẳng phải không có nhân duyên, đều có chỗ tạo tác, chẳng phải không có chỗ tạo tác, đều có đối tượng hóa độ, chẳng phải không có đối tượng hóa độ. Nếu người khác không có duyên thì Đức Phật không bao giờ nói.

Lại có thuyết nói: Vì Đức Thế tôn thể hiện dứt phần ít các chấp, Nên nói như thế. Lời nói này cũng nên hiểu ngược lại, không nên thuận theo. Vì sao? Vì như người phạm phu dứt trừ giới thủ, kiến thủ cõi Dục, cho đến dứt trừ giới thủ, kiến thủ của Vô sở hữu xứ. Phạm phu cũng dứt ngã thủ của địa Sơ thiên, cho đến dứt ngã thủ của Vô sở hữu xứ. Cho nên, lời nói này cũng không được dùng đúng. Tuy nhiên, Phật, Thế tôn đã nói rộng các pháp, cho đến nói rộng thuyết này, là nghĩa chân thật.

Vào thời kỳ Phật chưa ra đời, các phái di học ngoại đạo được tiếng tăm, lợi dưỡng. Về sau, Phật xuất thế, che lấp các ngoại đạo, cũng như sự sáng suốt mặt trời che lấp đốm lửa. Đệ tử của ngoại đạo quy phục Đức Thế tôn, lợi dưỡng của ngoại đạo ngày càng giảm ít.

Bấy giờ, các ngoại đạo đều nhóm họp nơi một chỗ, để cùng nhau bàn bạc: Sa-môn Cù-đàm khi chưa ra đời, tất cả tiếng tăm, lợi dưỡng hiện có của thế gian đều quy về chúng ta. Nay Sa-môn Cù-đàm đã xuất thế, những việc như thế v.v... ngày càng giảm ít. Tuy nhiên Sa-môn Cù-đàm kia không có thật đức, chỉ là do hình dung đoan chánh, giải về

kinh, luận. Dáng dấp của chúng ta thô tục, đâu đủ để so sánh. Nhưng kinh pháp do ông ấy giảng nói khó hiểu được. Nay chúng ta phải làm cách nào để được kinh pháp của ông ta. Nếu được thì hầu hết lợi dưỡng thế gian đều sẽ trở về với chúng ta. Họ lại bàn bạc: Như Ma-nạp Tô-Thi, v.v... trong chúng của ta rất thông minh, căn tánh nhạy bén, lại có sức nhớ nghĩ, tất nhiên có thể thọ trì kinh pháp do Sa-môn Cù-đàm đã nói. Nay hãy sai anh ta qua đó để làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Cù-đàm sẽ vì anh ta giảng nói rộng kinh pháp. Sau khi tụng đọc xong, anh ta sẽ giải thích cho chúng ta nghe.

Bàn bạc như thế xong, khi ấy, ngoại đạo liền nói với Ma-nạp Tô-Thi, v.v... Anh hãy đi đến trụ xứ của Sa-môn Cù-đàm xin làm đệ tử cho đến xuất gia trong pháp Phật, để được nghe kinh pháp, rồi hãy thọ trì.

Lúc ấy, Đức Như lai dùng mười lực, bốn vô sở úy, ở trong đại chúng, rộng vì hàng người, trời giải thích các pháp, có cả các ngoại đạo ở bên cạnh đại chúng, rón rén đi lại để trộm nghe pháp, ôm lòng lo sợ. Vì lo sợ, thọ trì thì ít mà quên thì nhiều.

Do nghĩa này, phải biết, Đức Thế tôn đã nói rộng các pháp. Các ngoại đạo v.v... chỉ tụng dứt trừ ba thọ, quên dứt trừ ngã thọ.

Lại có thuyết nói: Đức Thế tôn nói pháp, hoặc có đầy đủ hoặc không đầy đủ, nhưng mọi việc Đức Thế tôn đã làm đều đầy đủ. Như kinh nói bốn niệm xứ, về nghĩa của niệm xứ, tức là đầy đủ, như nói một niệm xứ, gọi là không đầy đủ. Như nói chúng sinh trụ nơi thân, quán thân chỉ như đất dính trên móng tay còn không trụ nơi thân, quán thân, như đất của quả đất. Như nói năm cái, bảy chi giác, sáu giới. Ở đây cũng là nói không đầy đủ. Như nói mười cái, mười bốn chi giác, mười tám giới, đó gọi là đầy đủ, do việc ấy nên nơi các việc đã làm thấy đều đầy đủ.

Nói pháp có đầy đủ, không đầy đủ. Có các dị học ngoại đạo tiếp nhận danh từ của pháp Phật, cho đến nói rộng, vì để làm chứng mà dẫn kinh Phật. Như kinh nói: Có các ngoại đạo Phạm chí đến giảng đường, nơi các Tỳ-kheo đang tập hợp, nói rằng: Các Trưởng già! Như Sa-môn Cù-đàm, thầy của các ông, đã vì các đệ tử nói rằng: Phải dứt năm cái, làm yên tịnh tâm mình ở bốn niệm xứ, tu bảy giác chi. Chúng ta sẽ vì các đệ tử, cũng nói pháp như thế, cho đến nói rộng.

Các ngoại đạo kia cùng sinh, cùng tử với cái, mà còn không nhận thức được cái, hưởng chi là biết thấy. Niệm xứ, giác chi còn không nghe được mùi hương, hưởng chi là biết vị. Tuy nhiên, Đức Phật giảng nói rộng các pháp, cho đến nói rộng. Như Phạm chí Ma-kiền-đề đến chỗ

Phật, mặc Uất-đa-la-tăng, lấy tay sờ vào y này, ra vẻ như bệnh, như thân bị mụn nhọt, bị trúng tên, bị ghẻ lở, rồi nói rằng: Sa-môn Cù-đàm! Thân này không bị bệnh, tức là Niết-bàn. Thân Phạm chí kia không bị bệnh, thường được uống ăn. Vì thân không bị bệnh, nên nói thân không bị bệnh, vì được uống ăn, nên nói là Niết-bàn. Phạm chí kia còn không nhận thức được bốn đại điều hòa nên không bệnh, huống chi là biết kiết hết tức là Niết-bàn?

Lại có thuyết nói: Không bị bệnh là đạo, Niết-bàn là quả của đạo. Phạm chí kia còn không nhận thức được về đạo không bệnh, huống chi là quả của đạo không bệnh. Nhưng Đức Phật đã giảng nói pháp rộng rãi, cho đến nói rộng.

Về câu hỏi của ngoại đạo kia, nay sẽ nói:

Hỏi: Vì sao Phạm chí ngoại đạo không lập ngã thủ?

Đáp: Như kinh này nói: Phạm chí ngoại đạo đem dài sinh tử chấp ngã, chấp chúng sinh, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Dị học ngoại đạo đối với ngã thủ (chấp ngã) tâm sinh sợ hãi, như người đứng ở đỉnh núi cao sợ hãi nhìn xuống. Ngoại đạo kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Sợ bỏ kiến chấp của mình, chạy theo kiến chấp của người. Ngoại đạo dị học lấy ngã kiến làm căn bản cho kiến chấp của mình mà không muốn xả.

Lại có thuyết nói: Vì sợ cắt đứt mạng sống của mình.

Lại có thuyết nói: Sợ bị người đồng phạm hạnh khinh thường.

Về câu hỏi trước đây của ngoại đạo, nay sẽ nói:

Hỏi: Như các ngoại đạo không biết dứt trừ các chấp, vì sao lại nói dứt trừ các chấp?

Đáp: Đây là Đức Thế tôn đã nói theo thế gian, vì làm chứng, nên dẫn kinh Phật. Như nói: Có các chúng sinh thấy diệt dứt hoại. Trong thật nghĩa không có chúng sinh, vì tùy ngoại đạo thế tục mà nói nên nói có chúng sinh, ở đây cũng giống như thế, cho đến nói rộng.

Có hai trí:

1. Trí dứt.

2. Trí biết, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì trước nói dị học ngoại đạo lập ra dứt các chấp, không lập ra dứt ngã thủ. Mặc dù nêu ra như thế, nhưng không phân biệt trí dứt hay là trí biết. Nay vì muốn giải thích, nên soạn luận này.

Có hai trí, nghĩa là trí dứt và trí biết.

Thế nào là trí biết? Nếu thấy biết, minh, giác, hiện quán, là trí biết. Trí đối với không có trí, kiến (thấy) đối với tà tuệ, minh đối với vô minh, giác đối với tà kiến, hiện quán đối với tà quán.

Lại có thuyết nói: Ở đây nói trí biết vô lậu. Vì sao? Vì không có đạo thế tục nào có thể hiện quán. Do việc này, nên chỉ nói trí biết vô lậu.

Lại có thuyết nói: Trong đây cũng nói trí biết hữu lậu, vô lậu. Vì sao biết? Vì trí thế tục cũng có tướng tri kiến, minh, giác, hiện quán.

Hỏi: Đạo thế tục không có nghĩa hiện quán và sao nói là hiện quán?

Đáp: Quán hiện ở trước rõ ràng là nghĩa của quán hiện tiền, tức đạo thế tục cũng có công năng hiện quán.

Hỏi: Nếu vậy là nói các thế tục nào có trí biết?

Đáp: Trừ hiện quán rộng lắng tương ứng với tuệ, đó là vô lượng giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba, tám thắng xứ, mười Nhất thiết xứ, trừ các quán ấy, v.v... tương ứng với tuệ.

Các quán về tướng chung, tướng riêng trừ ngu trong duyên, trừ ngu nơi thể của vật. Các quán thật khác, như văn, tư, tu, Noãn, Đảnh, Nhãn, pháp Thế đệ nhất như thế, v.v...

Hỏi: Làm sao biết nhất định tuệ thế tục là hiện quán?

Đáp: Như nói nghĩa nhận biết rõ ràng của quán hiện tiền là nghĩa của hiện quán, tuệ thế tục cũng có thể hiện quán nhận biết rõ ràng. Vì sao biết? Vì như kinh thành dụ nói: Ta chưa thành tựu Tam Bồ-đề, v.v..., cũng có thể sinh hiện quán này. Do việc này, nên biết được tuệ thế tục cũng có thể tạo ra hiện quán.

Thế nào là trí dứt?

Đáp: Nếu tất cả tham ái, giận dữ, ngu si đều dứt, tất cả phiền não đều dứt trừ, thì gọi là trí dứt.

Hỏi: Như dứt không có sở duyên còn trí có sở duyên, vì sao nói dứt là trí?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì dứt là quả của trí nên dứt được gọi là trí. Như A-la-hán là quả của trí, lấy tên của trí để nói. Như thiên nhãn, thiên nhĩ là quả chung, dùng tên chung để gọi. Như sáu nhập là quả của nghiệp, dùng tên của nghiệp để nói. Như sáu nhập này là nghiệp gốc vì dứt trừ như thế là quả của trí, cho nên gọi là trí đoạn.

Hỏi: Như dứt trong tu đạo là quả của trí, dứt trong thấy đạo là quả của nhãn, vì sao nói là trí dứt?

Đáp: Vì dứt kia là quả của trí thế tục. Nếu dùng đạo thế tục lia đục

cõi Dục, cho đến lia dục của Vô sở hữu xứ, thì cõi Dục kia, cho đến lia dục của Vô sở hữu xứ là quả của trí thế tục.

Hỏi: Xứ có công của đạo thế tục thì có thể như thế. Đạo thế tục không có công sức đối với Phi tướng Phi phi tướng xứ, chỗ dứt của thấy đạo nơi Phi tướng Phi phi tướng xứ đều là quả của nhân. Làm sao dứt của thấy đạo kia lại là trí dứt?

Tôn giả tăng-già-bà-tu đáp: Có hai trí dứt:

1. Là quả của tuệ.

2. Là quả của trí.

Trí dứt kia là quả của tuệ.

Bình luận: Không nên nói như thế. Vì sao? Vì Đức Thế tôn nói hai trí:

1. Là trí dứt.

2. Là trí biết.

Không nói tuệ dứt.

Lại có thuyết nói: Trí dứt là quả công dụng của trí biết vô lậu. Vì sao? Vì như Tu-đà-hoàn, do đạo vô lậu, sẽ được quả Tư-đà-hàm. Đạo vô ngại thứ sáu sẽ chứng chung với chỗ dứt của thấy đạo nơi ba cõi và sáu phẩm Kiết là chỗ dứt của tu đạo cõi Dục. Tư-đà-hàm do đạo vô lậu, sẽ chứng được quả A-na-hàm. Đạo vô ngại thứ chín sẽ chứng chung chỗ dứt của thấy đạo ba cõi và chỗ dứt của tu đạo cõi Dục. A-na-hàm sẽ chứng được định kim cương dụ của quả A-la-hán, sẽ chứng chung với chỗ dứt của thấy đạo, tu đạo ba cõi nên dứt là quả công dụng của định kim cương dụ. Do việc này nên dứt là quả công dụng của trí biết vô lậu.

Tôn giả Phật-đà-la-trắc nói: Nên nói là pháp dứt. Vì sao? Vì đây là đạo của các bậc Thánh, pháp vượt hơn bậc nhất, thích ứng bậc nhất rất ráo bậc nhất.

Tôn giả Cù-sa nói: Ở đây phải nói là dứt xả. Vì sao? Vì xả tất cả pháp sinh tử có được dứt này. Hơn nữa, vì từ trong chủng trí sinh ra, nên nói là trí dứt. Như sinh trong họ Cù-đàm nên gọi là Cù-đàm. Đoạn kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Đoạn kia dù không có sở duyên nhưng trụ ở tướng trí, như mắt của quá khứ, vị lai dù không thể thấy mà là tướng thấy, như thọ của quá khứ, vị lai, dù không có sở giác, nhưng là tướng của thọ, cho đến nói tuệ cũng giống như thế. Như vậy, dù dứt không có sở duyên mà là tướng của trí, cho nên gọi là trí dứt.

Hỏi: Như dứt một kiết của thân kiến, cũng gọi là trí dứt, vì sao nói

tất cả kiết dứt đều gọi là trí dứt?

Đáp: Vì dứt một thân kiến, cũng là trí dứt. Ở đây nói dứt tất cả kiết, đều là trí dứt, không nói là trí dứt trừ dần dần.

Lại nữa, Đức Thế tôn hoặc nói trí là trí biết hoặc nói trí là trí dứt, thế nào trí là trí biết? Như kệ nói:

Hiện này, người tuổi trẻ

Muốn lợi ích thế gian

Ái sinh ra các khổ

Biết được là thông minh.

vua Đa-câu là chỗ căn bản của luận này. Nghe nói có vì vua tên là Đa-câu bầm tánh bạo ác, bị người khinh thường, thường cướp đoạt các thứ của cải của dân chúng. Bấy giờ, dân chúng khắp nơi đều nhóm họp, cùng bàn bạc bắt vua thoái vị, lập người em kế của vua lên làm vua.

Khi đó, vua Đa-câu đến vùng thôn ấp cạnh nước láng giềng cư ngụ, hằng ngày bện cỏ làm dép để tự kiếm sống. Một hôm vua em hỏi các quan: Ta có người anh cả nay đang ở đâu? Các quan tâu: Nghe nói hiện ở thôn nọ bên cạnh nước kia, bện cỏ làm dép, kiếm sống qua ngày. vua em nghe tâu chuyện này, tâm sinh buồn sâu, nghĩ rằng: Ta chỉ có một người anh đang sống khổ sở như thế, nay ta đâu cần ngôi vua này. Liền sai sứ đến tận nơi để triệu người anh về nước, rồi cấp cho một ngôi làng.

Thời gian này, dân chúng gần, nường rất đông. Ngôi làng được cấp không cung cấp đủ thức ăn cần dùng. vua em lại cấp hai làng, ba làng, cho đến nửa nước, cũng cố tình cho là không đủ, thế là vua anh đem nhân lực của nửa nước khởi binh giết chết em, tự lên làm vua.

Bấy giờ, Đế-thích nghĩ rằng: Nay quốc vương này đã không biết ơn nghĩa, gây ra tội ác như thế. Ta sẽ đến đó đánh lừa để làm cho vua phải khổ não. Rồi Đế-thích tự hóa thân thành một người Bà-la-môn, đầu vấn búi tóc, thân mặc áo thô, tay trái cầm bình, tay phải cầm gậy pháp, đi đến chỗ vua khen ngợi vua, rồi đứng qua một phía. vua hỏi: Đại Bà-la-môn từ đâu đến đây?

Bà-la-môn đáp: Tôi từ ngoài biển đến.

vua lại hỏi: Ngoài biển có việc gì lạ không?

Bà-la-môn nói: Ta thấy có một nước, dân chúng sung túc vô cùng.

vua lại hỏi: Như ta ngày nay quân binh rất đông, nếu đem quân thảo phạt có thể thắng hay không?

Bà-la-môn nói: Đến đó tất nhiên có thể được.

vua lại hỏi: Ai sẽ đi trước dẫn đường cho ta?

Bà-la-môn nói: Tôi sẽ dẫn đường.

vua lại hỏi: Nếu được như vậy thì bao nhiêu ngày nữa ông sẽ chỉ đường cho ta?

Bà-la-môn nói: Bảy ngày nữa. Nói xong rồi bèn đi.

Ngày qua ngày, vua tính ra đã tới ngày hẹn. Đến ngày thứ bảy, từ sáng sớm nhà vua cho người đi khắp nơi tìm kiếm vị Bà-la-môn hôm trước nhưng chẳng thấy đâu cả. Do không tìm thấy, nên vua cảm thấy buồn khổ, ngồi trong tĩnh thất.

Bấy giờ, Bồ-tát Thích -Ca sống trong làng Bà-la-môn thuộc quốc vương ấy, vì có chút việc nên đến thành vua, nghe nói vua buồn khổ khôn nguôi, nên nói với các quan: Tôi có thể trừ bỏ nỗi buồn khổ trong tâm của vua. Các quan liền đưa Bồ-tát đến chỗ vua. Thời gian này, vì quốc vương, Bồ-tát đã nói các nghĩa của kinh kệ:

Duối tìm năm dục

Nếu khi được rồi

Cho là vừa ý

Sẽ sinh vui mừng.

Cho đến nói hết kệ của phẩm nhiễm dục. Khi Bồ-tát tụng xong kệ này, tâm vua sinh ra ý tưởng nhằm chán, lia được ái dục. Vì lia được dục, nên Bồ-tát lại nói bài kệ này:

Nên làm, nói là chánh

Không làm, đâu được nói

Nếu nói không thể làm

Không gọi là người trí.

Bồ-tát nói một kệ này, một nửa là vì Đế-thích, một nửa là vì quốc vương. Nếu không thể làm thì không nên hứa với người. Nếu đã hứa với người, thì phải làm ngay, mà không làm, là việc không tốt. Ông cũng phải trù tính, lường xét xem người kia có thể đi, hay không? Lại vào thời gian nào, từng thấy có người từ ngoài biển đến, mà tin theo lời họ nói? Thời gian này, quốc vương ở chỗ Bồ-tát, tâm sinh vui mừng, bèn nói kệ:

Người hiền tuổi trẻ này

Muốn lợi ích thế gian

Ái sinh ra các khổ

Biết được là thông minh.

Do kệ này nên nói trí là trí biết.

Nói trí là trí dứt, là thế nào? Như nói: Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay

ta sẽ nói pháp mà trí nhận biết là trí pháp, trí thành tựu:

Thế nào là pháp mà trí nhận biết?

Đáp: Là năm ấm.

Hỏi: Như trí nhận biết tất cả pháp, vì sao chỉ nói nhận biết năm ấm?

Đáp: Nếu nêu ra câu hỏi này, thì như lời đáp của chương dưới. Do đấy chỉ biết khổ. Ở đây nên đều nói hết.

Bình luận: Không nên nói như thế. Vì sao? Vì ở đây nói trí dứt, không nói trí biết, biết về năm ấm, không biết tất cả pháp.

Hỏi: Nếu vậy nên soạn luận này: Như năm ấm là chỗ nhận biết của hai trí: Trí biết và trí đoạn, vì sao Đức Thế tôn nói bỏ trí biết, nói trí dứt?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì nhờ năm ấm này mà đạt được trí dứt, trí biết, vì thế phần dưới đây, sẽ đáp về trí biết, diệt trí v.v... Ở đây đều nên nói: Thế nào là trí? Đáp: Tất cả kiết hết, cho đến nói rộng.

Hỏi: Như Đức Phật nói: Tất cả hành dứt hết đều gọi là trí dứt. Ở đây, vì sao nói tất cả kiết hết là trí dứt?

Đáp: Đây là lời nói lược về chỗ vượt hơn để giáo hóa hàng hữu dư của Như lai.

Lại có thuyết nói: Nếu nói kiết đã hết, phải biết là nói về tất cả hành hữu lậu đều dứt trừ, như trên đã nói.

Nếu là quá khứ thì tất cả đều tận diệt? Lời đáp trong câu hỏi đó, ở đây, đều nên nói: Thế nào là trí thành tựu?

Đáp: Là A-la-hán lậu tận.

Hỏi: Như người học, chỗ nào cũng đều có trí, vì sao chỉ nói A-la-hán là người trí?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là nói về hữu dư của Như lai, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Vì là vượt hơn, nên đáp như trên. Người Vô học vượt hơn người Hữu học, trong đây nên nói rộng.

Lại có thuyết nói: Người học tùy thuộc vào chỗ mình biết, chẳng cần phải bỏ hữu. Người Vô học tùy theo chỗ nhận biết của mình, đều có thể xả hữu. Trong đây cũng nói: Thế nào là nói? Đáp: Tất cả kiết đã dứt hết. Ai dứt hết tất cả kiết? Chỉ là người Vô học.

Lại có thuyết nói: Văn ấy nên nói rằng: Thế nào là trí biết?

Đáp: Nếu tri, kiến, minh, giác, hiện quán v.v..., cho đến nói rộng. Cũng như nói về người hiền, tuổi trẻ v.v..., cho đến nói rộng.

Thế nào là trí dứt?

Đáp: Tất cả kiệt đã dứt hết. Cũng như nói: Nay ta sẽ giảng nói về pháp trí, cho đến nói rộng. Nếu quy hướng về Phật, người kia sẽ quy hướng ở đâu? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì chẳng phải chỗ quy hướng, sinh ra tưởng về chỗ quy hướng. Vì muốn biểu thị chỗ quy hướng chân thật, nên soạn luận này. Như kệ nói:

*Thường có quy hướng
Núi, sông, rừng, cây
Vườn, lầu tháp, miếu
Vì sợ người khác.
Quy này chẳng an
Quy này chẳng hơn
Về chỗ quy hướng
Không thể khỏi khổ.
Nếu quy hướng Phật
Pháp và chúng tăng
Đối bốn Thánh đế
Dùng tuệ để thấy.
Hướng này là yên
Hướng này thù thắng
Hướng này vượt khỏi
Tất cả các khổ.*

Cho nên, chẳng phải chỗ quy hướng mà nghĩ là quy hướng. Vì muốn hiển bày chỗ quy hướng chân thật, nên soạn luận này.

Lại có thuyết nói: Vì nhằm ngăn chúng sinh ngu si quy hướng chúng sanh hoặc cho rằng, quy hướng Phật, nghĩa là quy hướng thân Như lai do cha mẹ sinh ra với các phần đầu, chân v.v... Vì nhằm ngăn ý tưởng như thế. Nếu người quy hướng Phật, thì phải quy hướng về Bồ-đề của Phật là pháp Vô học.

Nếu quy hướng về pháp, nghĩa là quy hướng về pháp thiện, bất thiện, vô ký và việc tu hành của các Tỳ-kheo là pháp nên làm, không nên làm. Nếu quy hướng về pháp, phải quy hướng sự yêu kính trọng pháp Niết-bàn. Nếu quy hướng về tăng, nghĩa là quy hướng người xuất gia bốn họ, vì muốn cho chúng sinh đều được quyết định ở trong pháp này. Nếu người quy hướng tăng, phải quy hướng pháp Hữu học, Vô học.

Cho nên, vì muốn ngăn chúng sinh ngu quy hướng nên soạn luận

này.

Hỏi: Nếu quy Phật, người kia quy thế nào?

Đáp: Phật, nghĩa là thật có pháp này. Vì có pháp này, nên lập ra nên ngôn ngữ như thế, danh xưng như thế, tư tưởng như thế, gọi là Phật, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao nói thế này: Phật, nghĩa là thật có pháp này, vì có pháp này, nên lập ra ngôn ngữ như thế, danh xưng như thế, tư tưởng như thế, gọi là Phật.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Phật không chỉ có lập ra danh xưng, tạo ra ngôn ngữ như thế, danh xưng như thế, tư tưởng như thế gọi là Phật, mà còn không có thật.

Vì nhằm ngăn ý tưởng như thế, nên nói rằng: Phật, nghĩa là thật có pháp này, cho đến nói rộng. Nếu người quy hướng, thì quy hướng về pháp Bồ-đề Vô học của Phật như thế.

Hỏi: Nếu pháp Bồ-đề Vô học là Phật chân thật, thì kinh này nói làm sao hiểu? Như: Cư sĩ Tu Đạt hỏi: Sao gọi là Phật? Người kia đáp: Phật nghĩa là có người mang dòng họ Thích, do tin tưởng xuất gia, cạo bỏ tóc râu, thân mặc y nhuộm, đó gọi là Phật.

Đáp: Đây là nói về chỗ nương của Phật, nếu nói về chỗ nương, phải biết cũng là nói chủ thể nương.

Hỏi: Nếu nói pháp Bồ-đề Vô học là Phật chân thật, thì vì sao với tâm ác làm thân Phật chảy máu mà mắc tội nghịch?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Do tâm oán ghét pháp Bồ-đề Vô học, là vì tâm ác làm thân Phật chảy máu nên mắc tội nghịch.

Lại có thuyết nói: Vì làm hư hoại chỗ nương của Bồ-đề Vô học, hoặc phá hoại chỗ nương, thì cũng phá hoại chủ thể nương. Do đó phạm phải tội nghịch.

Nếu quy hướng pháp, thì người kia sẽ quy hướng thế nào?

Đáp: Nếu quy hướng pháp, tất nhiên phải quy hướng Niết-bàn đã dứt hết ái.

Hỏi: Nếu quy hướng tăng, thì người kia sẽ quy hướng như thế nào?

Đáp: Tăng, là người thật có pháp này, cho đến nói rộng, đó gọi là tăng.

Hỏi: Thế nào là quy? Thế nào là hướng? Quy hướng là nghĩa gì?

Đáp: Quy, nghĩa là phần ít của diệt đế, Đạo đế. Hướng là lời nói ở miệng.

Lại có thuyết nói: Hướng, nghĩa là có thể khởi tâm để miệng nói

ra lời.

Lại có thuyết nói: Tin chắc pháp này, đó gọi là hướng.

Bình luận: Nói như thế là đúng: Có thể khởi miệng, lời nói, tâm và thể của năm ấm nơi pháp cùng có, là hướng.

Thế nào là nghĩa quy hướng?

Đáp: Nghĩa cứu giúp, là nghĩa quy hướng.

Hỏi: Nếu nghĩa cứu giúp là nghĩa quy hướng thì sao Đề-bà-đạt-đa cũng quy hướng Phật, Pháp, tăng, mà vẫn bị đọa vào đường ác, không được cứu giúp?

Đáp: Nếu là người quy hướng, thì không phá giới hạnh, không vượt qua giới phần, có thể được cứu giúp. Nếu người đã quy hướng mà phá giới hạnh, vượt qua giới phần, thì sẽ không được cứu giúp. Như người vì sợ kẻ thù, nên quy hướng ở vua, cầu mong được vua cứu giúp. vua nói với người kia: Nếu người ở trong nước của ta, không vượt qua giới phần, thì ta sẽ cứu giúp người, nếu vượt qua giới phần của ta, thì ta sẽ không thể cứu giúp người.

Chúng sinh như thế, vì sợ đường ác, nên quy hướng Phật. Phật nói: Nếu quy hướng ta, thì không nên phá hủy giới hạnh, vượt qua giới phần. Nếu phá giới hạnh, vượt qua giới phần, thì ta không thể cứu giúp. Cho nên, nghĩa cứu giúp là nghĩa quy hướng.

Lại có thuyết nói: Tùy thuộc vào ngần ấy quy hướng, thì sẽ có ngần ấy cứu giúp, vì nhân duyên quy hướng, nên được ra khỏi đường ác.

Hỏi: Nếu người quy hướng Phật là quy thú một vị Phật hay quy hướng chư Phật nhiều như số cát sông Hằng v.v...? Nếu quy hướng một Phật, thì sao không là quy hướng phần? Nếu quy hướng Chư Phật như số cát sông Hằng, thì vì sao chỉ nói quy hướng một vị Phật? Và kinh này nói làm sao hiểu? Như nói: Ta là đệ tử Phật Tỳ-bà-thi, ta là đệ tử Phật Thi-khí? Hoặc cho đến nói: Ta là đệ tử Phật Thích-ca Mâu-ni?

Bình luận: Nên nói rằng: Quy hướng Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng v.v...

Hỏi: Nếu vậy tại sao lại nói quy thú một Phật?

Đáp: Văn này lẽ ra nói rằng: Ta quy hướng Chư Phật, nhưng không nói. Nếu quy hướng một vị Phật thì phải biết cũng là quy hướng chư Phật.

Nói ta là đệ tử của một Phật: nghĩa là lễ thấy chỗ chân đế của Phật kia thì nói: Ta là đệ tử của vị Phật đó.

Hỏi: Nếu người quy hướng pháp, là vì quy hướng các ấm diệt của thân mình, hay vì quy hướng các ấm diệt của thân người, hay vì quy

hướng các ấm diệt của thân mình và thân người? Nếu quy hướng các ấm diệt của thân mình, thì sao không là quy hướng nơi phần? Nếu quy hướng nơi người, thì làm sao nghĩa nghĩa cứu giúp là nghĩa quy hướng?

Đáp: Nếu quy hướng, nghĩa là quy hướng thân mình và thân người.

Hỏi: Nếu vậy thì sao lại nói nghĩa cứu giúp là nghĩa quy hướng?

Đáp: Mặc dù đối với ta không có cứu giúp, nhưng về tánh là cứu giúp, cho nên, nghĩa cứu giúp là nghĩa quy hướng.

Hỏi: Nếu quy hướng tăng là quy hướng một vị Phật hay quy hướng chư Phật? Nếu quy hướng một vị Phật thì sao không là quy hướng theo phần? Nếu quy hướng chư Phật thì sao lại nói là quy hướng một Phật? Kinh này nói làm sao hiểu? Như nói: Phật bảo người đi buôn: Ông phải quy hướng tăng của đời vị lai.

Bình luận: Nên nói rằng: Quy hướng chư Phật tăng.

Hỏi: Nếu vậy vì sao lại nói quy hướng tăng của một Phật?

Đáp: Văn ấy lẽ ra phải nói rằng: Quy hướng tăng của Chư Phật, mà không nói. Nếu quy hướng tăng của một Phật, tức là vì quy hướng tăng của chư Phật.

Như kinh này nói làm sao hiểu? Nghĩa là do không có tăng bảo hiện ở trước.

Lại có thuyết nói: Vì tăng bảo khó đạt được. Vì sao? Vì có Phật ra đời mà không có tăng bảo.

Hỏi: Chỗ nào có quy hướng này?

Đáp: Nếu đi chung với giới, thì chỉ có ở loài người. Nếu không đi chung với giới, thì các đường khác đều có.

Hỏi: Có thọ giới mà không thọ quy hướng, người này có đắc giới không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không đắc giới. Vì sao? Vì nếu muốn thọ giới, trước phải thọ quy hướng.

Lại có thuyết nói: Nếu kẻ nào do tâm tự đại kêu mạn, mà không quy hướng, tất nhiên kẻ đó sẽ không đắc giới. Nếu người nào không biết là thọ giới trước, hay thọ quy hướng trước, bèn không thọ quy hướng mà thọ giới, thì người này sẽ đắc giới, nhưng người truyền giới đắc tội.

Hỏi: Nếu không cầu thọ quy hướng thì có được quy hướng hay không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu không được quy hướng, hoặc có trẻ sơ sinh hoặc còn nằm trong bụng mẹ mà cũng thọ quy hướng, thì điều này làm sao hiểu?

Đáp: Trường hợp này là thuận theo giới. Người này về đời trước

vốn hay ban cho người khác thọ giới đầy đủ. Nếu khi còn ở trong bụng mẹ, hoặc lúc mới sinh, cha mẹ đã vì chúng thọ quy hướng. Về sau, khi lớn khôn, làm chuyện phi pháp, người ta bèn trách: Lúc còn ở trong bụng mẹ và hồi mới sinh, ông đã thọ quy hướng rồi, nay sao lại làm chuyện phi pháp! Sau khi nghe lời quở trách người ấy vội tránh xa điều ác, tu việc thiện. Cho nên thuận theo vì giới, mà thọ quy hướng, chứ thật ra thì không được.

Lại có thuyết nói: Vì muốn cho chúng sinh tin Phật, chư thiên sẽ vì đày mà ủng hộ.

Hỏi: Nếu người khác cầu thọ quy hướng dùm, thì người ấy có được hay không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu không được thì khi Phật sắp Niết-bàn, Tôn giả A-nan bạch Phật: Có một số người ở thành Câu Thi xin quy hướng Thế tôn, cũng quy Pháp, tăng v.v... làm sao hiểu lời này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nhờ năng lực oai thần của Phật, nên khi sắp nhập Niết-bàn, đã khiến cho các lực sĩ của thành Câu-thi đồng với người khác vì cầu mà được giới.

Lại có thuyết nói: Tôn giả A-nan đi vào thành Câu-thi vì nhiều lực sĩ mà truyền trao quy hướng và giới, rồi trở lại bạch Phật: Thế tôn! Lại có chúng đệ tử sau cùng như thế.

Lại có thuyết nói: Được. Như nàng Ca-thi là người câm không nói được, nếu nói: Nếu quy hướng Phật, sẽ không bị đọa vào đường ác.

Hỏi: Những người quy hướng Phật đều không bị đọa vào đường ác chẳng?

Đáp: Đây là vì người có được niềm tin không hư hoại, Nên nói rằng.

Lại có thuyết nói: Vì người có tâm quy hướng sâu xa, Nên nói rằng.

Hỏi: Như Pháp bảo là vượt hơn Phật, vì sao khi quy hướng lại quy

hướng Phật trước, rồi mới quy hướng pháp?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì Đức Phật là bậc tôn quý ở trong giáo pháp, nên trước phải quy hướng Phật.

Lại có thuyết nói: Cũng như người bệnh, trước phải nương vào thầy thuốc, sau đó mới uống thuốc. Đức Phật người thầy thuốc sư sáng suốt, Pháp như thuốc hay, tăng như người cho thuốc.

